

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2023

V/v Ly hôn, t/c về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

- Tthành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước

2. Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 81/2023/TLST-HN ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐST – HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm H, sinh năm 1989; Địa chỉ 710, Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị H, anh T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T9, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/5/2013. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến khoảng vài năm gần đây thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cự cãi với nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T cờ bạc, không kinh tế gia đình, không lo làm ăn, không lo cho vợ con, chị có khuyên anh T1 nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Vào tháng 01/2022 al thì chị ly thân với anh T, chị về nhà mẹ ruột ở Bình Thuận sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng, vợ chồng và gia đình 02 bên có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T2. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng giữa vợ chồng cho chị, chị cũng không cấp dưỡng cho anh T2.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T3, sinh ngày 16/4/2015, chị xin nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị đang buôn bán mỗi tháng thu nhập hơn 10 triệu/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn T trình bày:

Anh không đồng ý ly hôn.

Nếu ly hôn anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng giữa vợ chồng cho anh, anh cũng không cấp dưỡng cho chị H1. Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cự cãi với nhau do anh có cờ bạc, nợ nần nhưng hiện tại anh đã có thay đổi. Anh thừa nhận bản thân anh sai nhưng chị H không cho anh cơ hội sửa sai. Hiện nay, anh và chị H2 đã ly thân hơn một năm. Chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Vì còn thương vợ, thương con.

Về con chung: có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T4, sinh ngày 16/4/2015, chị H xin nuôi con, nếu tòa cho ly hôn thì anh đồng ý cho H nuôi con, nếu sau này có điều kiện anh sẽ xin nuôi con. Nếu sau này có bao nhiêu tiền anh sẽ cấp dưỡng bấy nhiêu.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H, chị H được ly hôn với anh T; Chị H trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc T4, sinh ngày 16/4/2015, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; Tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ pháp luật*: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Thẩm quyền giải quyết*: Theo xác nhận của Công an xã T10, huyện M, tỉnh Bến Tre xác nhận anh Huỳnh Văn T hiện có đăng ký thường trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Càyl Bắc.

[3] *Về hôn nhân*: Chị H2 và anh T5 kết hôn vào năm 2013, do quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn được UBND xã T, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H2 cho rằng chị và anh T5 mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, cự cãi với nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T5 cờ bạc, không kinh tế gia đình, không lo làm ăn, không lo cho vợ con, chị có khuyên anh T5 nhiều lần nhưng anh T5 không thay đổi. Vào tháng 01/2022 al thì chị ly thân với anh T5, chị về nhà mẹ ruột ở Bình Thuận sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn tình cảm cho chị và anh T5 nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T6. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H2 vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T5. Anh T5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày là vợ chồng anh sống hạnh phúc được một thời gian thì mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cự cãi với nhau do anh có cờ bạc, nợ nần nhưng hiện tại anh đã có thay đổi. Anh thừa nhận bản thân anh sai nhưng chị H2 không cho anh cơ hội sửa sai. Hiện nay, anh và chị H2 đã ly thân hơn một năm. Chị H2 xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Vì còn thương vợ, thương con. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị H2 và anh T5 thì mẹ của chị H2 cho biết bà thấy chị H2 và anh T5 có mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, anh T5 cờ bạc, không lo cho vợ con. Trước đây chị H2 và anh T5 sống chung với gia đình anh T5. Cách nay khoảng 01 năm thì chị H2 về Bình Thuận sống với gia đình bà. Qua xác minh cán bộ tư pháp xã T, cho biết giữa chị H2 và anh T5 có mâu thuẫn về kinh tế. Như vậy, giữa chị H2 và anh T5 mâu thuẫn là có thật. Anh T5 không đồng ý ly hôn nhưng không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ. Anh chị là vợ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ vợ chồng, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H2 và anh T5 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị H2 là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Chị H2 và anh T5 có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc T7, sinh ngày 16/4/2015, ly hôn chị H2 xin nuôi con, không yêu cầu anh T5 cấp dưỡng nuôi con. Anh T5 trình bày nếu ly hôn thì anh đồng ý để con cho chị H2 nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị H2 và anh T5 là tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu T7 tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 13/4/2023 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huỳnh Ngọc T7, sinh ngày 16/4/2015 cho chị H2 trực tiếp nuôi, ghi nhận chị H2 không yêu cầu anh T5 cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung*: Chị H2, anh T5 trình bày không có nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Chị H2, anh T5 trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] *Án phí* : Do yêu cầu xin ly hôn của chị H2 được chấp nhận nên chị H2 phải chịu án phí theo qui định là 300.000 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Diễm H3.

Chị Lê Thị Diễm H3 được ly hôn với anh Huỳnh Văn T8.

2. *Về con chung*: Chị H3 trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Ngọc T7, sinh ngày 16/4/2015; anh T8 không cấp dưỡng nuôi con do chị H3 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Chị H3 và anh T8 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Chị H3 và anh T8 trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. *Án phí*: phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0002527 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

7. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- UBND xã Tân Thành Bình (số 59, ngày 27/5/2013);
- Dương sự (02b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên

